

NHỮNG XU HƯỚNG NỘI BẬT CỦA KINH TẾ THẾ GIỚI TRONG THẬP KỶ TỚI

TS. Nguyễn Thanh Đức

Viện Kinh tế và Chính trị thế giới

Về kinh tế, 10 năm tới sẽ đánh dấu sự bắt đầu đổi hướng lớn trong những xu thế chủ đạo của kinh tế thế giới (KTTG), bởi vì sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008, trong nền kinh tế thế giới sẽ xuất hiện những xu thế mới. Có những biến đổi khó dự đoán, có những yếu tố khó lường và chưa dự đoán nổi, nhưng chắc chắn thế giới sau khủng hoảng sẽ khác nhiều so với thế giới hiện tại. Như vậy, trong thập kỷ 2020, bên cạnh những xu hướng phát triển vốn có của KTTG như toàn cầu hóa, cách mạng khoa học-công nghệ, sự phát triển dân số, sẽ xuất hiện những nhân tố mới chi phối sự phát triển kinh tế toàn cầu.

Vậy những xu hướng mới chi phối sự phát triển kinh tế toàn cầu trong thập kỷ 2020 sẽ là gì? Những cơ sở khách quan quy định chúng là gì? Các quốc gia có những giải pháp nào ứng phó đối với những xu hướng mới này? Bài viết này sẽ cố gắng giải đáp phần nào những câu hỏi này.

1. Toàn cầu hóa và những biểu hiện mới

Cho tới trước khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, toàn cầu hóa dường như là một xu hướng không thể đảo ngược. Nhưng từ sau khủng hoảng, đã xuất hiện những nhân tố mới làm thay đổi tốc độ cũng như tính chất của toàn cầu hóa.

Thứ nhất, xu hướng bảo hộ đã đặc biệt gia tăng sau khủng hoảng và vẫn sẽ tồn tại đến giữa thế kỷ 21. Cuộc chiến giữa quá trình toàn cầu hóa và tự do hóa với xu hướng bảo hộ vẫn sẽ tiếp tục.

Khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã làm cho các quốc gia đều tăng cường bảo hộ để bảo vệ sản xuất trong nước. Sau khủng hoảng, nhiều nước cũng áp dụng chính sách kích thích nhu cầu nội địa, kích thích sản xuất trong nước để bù đắp lại những mất mát về cầu nước ngoài do khủng hoảng xảy ra. Kể từ tháng 9/2008, thời điểm cuộc khủng hoảng kinh tế bắt đầu lộ rõ, tất cả quốc gia đều đưa ra những chính sách bảo hộ thương mại. Tuy vậy, chính sách của nhóm phát triển khác với nhóm nước đang phát triển. Các nước phát triển bảo hộ bằng cách nắm lại các ngân hàng, có xu hướng bắt ngân hàng cho vay trong nước; bảo hộ ngành công nghiệp ô tô thông qua cung cấp vốn vay lãi suất thấp cho ngành này; phân biệt giữa đầu tư nước ngoài và trong nước; hạn chế nhập cư lao động vào nước mình; qui định

thuế chống bán phá giá. Hoặc các nước phát triển còn thực hiện một hình thức bảo hộ tương đối mới, có liên quan đến thay đổi khí hậu như qui định các tiêu chuẩn về các-bon trong sản xuất, làm cho các nước đang phát triển khó có thể xâm nhập vào nền kinh tế của các nước phát triển. Các nước đang phát triển cũng đặt ra các hàng rào bảo hộ, chủ yếu để chống lại các nước đang phát triển khác, đa số là chống lại các sản phẩm của Trung Quốc. Trung Quốc, Ấn Độ, ASEAN đều áp dụng những hình thức bảo hộ nhất định. Các nước đang phát triển với túi tiền nhỏ hơn, chủ yếu tập trung vào những biện pháp bảo hộ cổ điển, áp dụng các rào cản thuế quan công khai, như các biện pháp hải quan (tăng thuế, áp đặt hạn ngạch hoặc cấm nhập khẩu, quản lý nhập khẩu hoặc siết chặt thủ tục hải quan). Năm 2009, thế giới đã có từ 230 đến 250 vụ điều tra chống bán phá giá, tăng khoảng 20% so với năm 2008. Từ tháng 9-2008 đến tháng 3-2009, các nước thành viên WTO đã đưa ra tới 211 biện pháp bảo hộ bất chấp những cam kết tại hội nghị G20 cũng như các diễn đàn chống bảo hộ thương mại. Đối với Mỹ, các chính sách kinh tế của Tổng thống Mỹ Obama đã lộ rõ màu sắc của chủ nghĩa bảo hộ, các biện pháp bảo hộ của Mỹ đang có phần gia tăng. Gói kích cầu 787 tỉ USD, trong đó điều khoản “người Mỹ dùng hàng Mỹ” yêu cầu các dự án có sự hỗ trợ từ gói kích cầu

phải sử dụng sắt thép và sản phẩm của Mỹ, đã gây lo ngại cho các đối tác, vấp phải sự phản đối mạnh mẽ trên thế giới. Điển hình là việc Mỹ đã đánh thuế rất nặng đối với lốp xe Trung Quốc. Trong một diễn biến khác, 29 nước thành viên WTO đã chỉ trích gay gắt việc Mỹ tái ban hành những biện pháp trợ giá xuất khẩu đối với mặt hàng sữa... Chính Trung Quốc cũng đã thực hiện nhiều biện pháp bảo hộ thương mại. Ngân hàng Thế giới (WB) đã cảnh báo rằng, những bước đi của Trung Quốc trong việc sử dụng 585 tỉ USD kích thích kinh tế “đường như đi ngược lại những gì Bắc Kinh đã thể hiện để chống lại chủ nghĩa bảo hộ”. Trung Quốc đã yêu cầu các cơ quan chính phủ mua hàng sản xuất trong nước cho các dự án sử dụng ngân sách nhà nước. Mỹ cũng đã lên tiếng về hành vi bảo hộ này của Trung Quốc. Trung Quốc còn tăng cường bảo hộ cho các doanh nghiệp nội địa. Nga là nước mạnh tay nhất trong thi hành các biện pháp bảo hộ thương mại. Nga đã cấm nhập khẩu thịt cừu-gu-ru của Ô-xtrây-li-a. Cũng với lý do trên, Nga còn cấm nhập khẩu thịt từ khoảng 30 quốc gia khác, và gần 500 sản phẩm sữa của Bê-la-rút, do các sản phẩm này chưa đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định mới. (Nguyễn Văn Lịch, www.tapchicongsan.org.vn, ngày 21.9.2010)

Thứ hai, xu hướng tăng cường vai trò điều tiết của các nhà nước sau khủng hoảng. Điều này sẽ dẫn tới xu hướng quay trở lại chủ nghĩa bảo hộ. Khi nhà nước can thiệp mạnh vào nền kinh tế, những vấn đề của mô hình “nhà nước tối đa” sẽ xuất hiện.

Vậy triển vọng thực sự của toàn cầu hóa trong thập kỷ mới là gì? Thông qua những cách thức gì mà các nước có thể chống lại xu hướng bảo hộ đang nổi lên hiện nay? Triển vọng thực sự của toàn cầu hóa trong thập kỷ mới là tự do hóa, tự do hóa thương mại, đầu tư và tài chính. Toàn cầu hóa và tự do hóa ngày nay đã trở thành một xu hướng khách quan, là một thực tế, chứ không phải là sự lựa chọn nữa. Ngày nay, chỉ có một thị trường duy nhất, đó là toàn cầu hóa. Con đường duy nhất để làm cho một quốc gia phát triển là hội nhập vào dòng thác toàn cầu hóa và tự do hóa. Nếu đi ngược lại qui luật khách quan này, thì các quốc gia sẽ chỉ quay lại với sự lạc hậu và nghèo nàn.

Tuy nhiên, toàn cầu hóa hiện nay sẽ không phải là thứ toàn cầu hóa thích ứng với chủ nghĩa tự do cổ

điển nữa, mà nó cần được làm mới phù hợp với bối cảnh mới sau khủng hoảng. *Một là*, lý thuyết thương mại thời hậu chiến tranh thế giới thứ hai đã gắn tự do hóa thương mại với tư tưởng nhà nước không can thiệp vào nền kinh tế hoặc “Chính phủ tối thiểu”. Những điều này hiện nay trở nên không đúng nữa, những hậu quả của nó đã thể hiện ở rõ rệt ở cuộc khủng hoảng 2008. Chính sách toàn cầu hóa và thương mại tự do nên được tái kết hợp với chính sách nhà nước can thiệp, nhưng trong một khuôn khổ nhất định, được thực hiện bởi một chính phủ hữu hạn, nhưng không “tối thiểu”. Bởi vì, chính sách can thiệp đúng mức của các nhà nước quốc gia sẽ không tràn qua biên giới và phá hoại quá mức thương mại cũng như đầu tư quốc tế. Có thể tin rằng, các chính phủ có năng lực có khả năng để chữa trị những thất bại của thị trường, không chỉ ở trong nước, mà cả trên phạm vi quốc tế. *Hai là*, xung lực thực sự thúc đẩy toàn cầu hóa không và sẽ không xuất phát từ các thể chế quốc tế. Sự khoe trương và thổi phồng vai trò của quản trị toàn cầu đối với tự do hóa và toàn cầu hóa chỉ là sự huyênh hoang và không thực tế. Đúng hơn là động lực thực sự cho quá trình toàn cầu hóa đang và sẽ xuất hiện từ các quốc gia, từ các chính sách quốc gia. Các chính phủ quốc gia sẽ quyết định các chính sách kinh tế vĩ mô, các chính sách về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế và tài chính quốc tế của một nước. Toàn cầu hóa vẫn đang tiếp tục về cơ bản phụ thuộc vào các nhà nước dân tộc. Điều này cũng không phủ nhận tầm quan trọng của hợp tác quốc tế, nơi mà những hành động cấp quốc gia không hiệu quả. Tuy nhiên, các thể chế quốc tế chỉ cung cấp “những giải pháp toàn cầu” để xử lý “những vấn đề toàn cầu”, và chủ nghĩa đa phương chỉ có hiệu quả khi nó có những phương tiện và mục tiêu thực tế, có giới hạn và dễ thực hiện.

Thứ ba, toàn cầu hóa và tự do hóa chỉ thực sự phát triển và có hiệu quả trong bối cảnh địa chính trị ổn định. Một trật tự chính trị quốc tế tương đối ổn định là một yêu cầu bắt buộc cho sự phát triển kinh tế. Nếu không có hòa bình toàn cầu thì cũng không có an ninh cho thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế.

Thứ tư, quá trình toàn cầu hóa ngày nay ngày càng bị quyết định từ châu Á, nhất là từ Trung Quốc. Trung Quốc ngày càng có tiếng nói quan trọng trong các diễn đàn quốc tế về vấn đề toàn cầu

hóa, như tại các Hội nghị của G20, tại WTO... Hơn thế nữa, sau khủng hoảng 2008, Trung Quốc còn có tham vọng định hình quá trình toàn cầu hóa, nhưng theo cách thức của Trung Quốc. Trung Quốc đang muốn qui định nhiều qui tắc, thể chế và các mối quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thế giới. Trung Quốc đang tích cực thiết lập các mối quan hệ thương mại, FDI, tài chính với nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là ở châu Á, sau đó là châu Phi, Mỹ La Tinh, Trung Đông. Thông qua các mối quan hệ kinh tế và tài chính này, Trung Quốc muốn nhanh chóng nâng cao vai trò của mình. Ngân hàng Phát triển Trung Quốc (CDB) là phương tiện, là nguồn cung cấp tài chính cho các hoạt động ngoài nước này của Trung Quốc.

2. Xu hướng phát triển của công nghệ xanh

“Công nghệ xanh” được coi như là bước đột phá về khoa học- công nghệ làm động lực thúc đẩy tăng trưởng KTTG sau khủng hoảng và trong tương lai. Theo nhận định của các chuyên gia, chiến lược “phát triển xanh” đã trở thành bước ngoặt cho tiến trình khôi phục của kinh tế toàn cầu và cũng là động lực mới cho việc thúc đẩy kinh tế toàn cầu phát triển nhanh và bền vững. Liên Hợp Quốc còn nhận định, chính sách nền kinh tế sạch còn là con đường phát triển cần thiết của kinh tế toàn cầu trong tương lai. Suy thoái kinh tế toàn cầu, thiếu hụt năng lượng trầm trọng, biến đổi khí hậu và những tác hại lớn lao của nó đến đời sống kinh tế-xã hội của con người... tất cả những điều đó đòi hỏi sự phát triển của công nghệ sạch. Phát triển công nghệ xanh đã trở thành bước ngoặt cho tiến trình khôi phục của kinh tế toàn cầu và cũng là động lực mới cho việc thúc đẩy kinh tế toàn cầu phát triển nhanh và bền vững trong tương lai. Mỹ là nước đang đi đầu trong phát triển “công nghệ xanh”. EU- cũng là khối nước luôn đi tiên phong trong phát triển công nghệ xanh và nền kinh tế xanh, họ phấn đấu đến 2013 sẽ xây dựng công nghiệp sạch và nền kinh tế xanh trong toàn khối EU 27, trong đó dẫn đầu là CHLB Đức. CHLB Đức là một trong những nước xây dựng chiến lược “năng lượng xanh” đầu tiên trên thế giới. Đức đang có nhiều nỗ lực để trở thành cường quốc công nghiệp đầu tiên trên thế giới sử dụng 100% “năng lượng xanh” tái tạo. Họ hướng tới “mục tiêu xanh” vào năm 2050. Trung Quốc, quốc gia có nền kinh tế đang phát triển lớn nhất thế giới đang trở thành người chơi lớn trong cuộc cách mạng công nghệ

xanh.

Những giải pháp để phát triển “công nghệ xanh” khá đa dạng. Nhiều nước đã chú trọng vấn đề phát triển công nghệ xanh và nền kinh tế xanh trong các gói kích thích kinh tế và chiến lược phát triển dài hạn như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, một số nước đang phát triển ở châu Á, Mỹ La tinh. Theo ước tính của Viện nghiên cứu toàn cầu SHBC (tính đến đầu năm 2009) thì đầu tư cho phát triển xanh hiện chiếm 14% tổng giá trị gói kích thích kinh tế toàn cầu, trong đó tập trung vào: xây

Bảng 1: Tỷ lệ của cấu phần xanh trong tổng giá trị gói kích thích kinh tế của một số nền kinh tế lớn

Nước	Tỷ lệ	Nước	Tỷ lệ
Hàn Quốc	81	Đức	13
EU	59	Mỹ	12
Trung Quốc	3	Nhật Bản	2,6
Pháp	21	Ấn Độ	0

Nguồn: HSBC global research, 2009, *A climate for Recovery: The Color of Ctimulus Goes Green*

dựng nhà ở sử dụng hiệu quả năng lượng; năng lượng thay thế và tái tạo; giao thông tiết kiệm năng lượng; phát triển nông nghiệp bền vững, sử dụng nước hiệu quả.

Ngay trong gói kích thích kinh tế sau khủng hoảng, đầu tư cho “công nghệ xanh” đã chiếm phần quan trọng (Xem bảng 1).

Bên cạnh việc đầu tư từ các gói kích thích kinh tế của Chính phủ, các nước rất chú trọng sử dụng biện pháp đòn bẩy, đặc biệt là thu thuế và phí cac-bon như Mỹ, EU, điều này sẽ khiến việc xả khí thải phải trả giá đắt hơn và sẽ gia tăng sức ép đối với các ngành công nghiệp gây ô nhiễm, điều này cũng khuyến khích đầu tư và tiêu dùng các ngành, lĩnh vực và sản phẩm sạch. Đơn cử như để khuyến khích tiết kiệm năng lượng trong giao thông, nhiều nước hiện đang áp dụng thuế nhiên liệu như Ba Lan, Thụy Điển...; hạn ngạch giấy phép và thuế phương tiện giao thông như EU, Nhật Bản... Ngoài ra một số nước quy hoạch lại sử dụng đất đô thị và nông thôn như Trung Quốc, Ấn Độ, và sửa Luật Môi trường theo hướng nâng tiêu chuẩn môi trường, quy định tái chế trong một số ngành, dán nhãn môi trường đối với nông sản...

Liên Hợp Quốc ngày 15/12/2011 công bố các

định hướng chính sách nhằm đẩy nhanh tiến trình chuyển nền kinh tế không bền vững về môi trường hiện nay sang nền kinh tế xanh ở cả cấp quốc gia lẫn quốc tế. Nhóm quản lý môi trường (EMG) của Liên Hợp Quốc đã liệt kê 14 sáng kiến được các cơ quan Liên Hợp Quốc thúc đẩy hướng tới nền kinh tế xanh như Nông nghiệp thông minh với khí hậu (FAO phát động), Đầu tư công nghệ sạch (WB), Việc làm xanh (ILO), Kinh tế xanh (UNEP), Giáo dục vì phát triển bền vững (UNESCO), Xanh hoá khu vực y tế (WHO), Sản xuất sạch hơn và hiệu quả nguồn tài nguyên (UNEP và UNIDO), Các thành phố và biển đổi khí hậu, Thị trường công nghệ xanh, Tiêu chuẩn công nghệ thông tin xanh, Giải pháp năng lượng xanh...

Tuy nhiên, việc thực hiện “công nghệ xanh” không phải là giải pháp trước mắt, mà là một giải pháp lâu dài. Việc chuyển đổi sang “công nghệ xanh” là điều hết sức khó khăn chứ không phải đơn giản. Việc chuyển đổi sang năng lượng sạch còn phải vượt qua rất nhiều trở ngại. Trước hết là cơ sở hạ tầng. Mạng lưới cung cấp điện lực cũ kỹ từ 50, 80, có nơi từ 100 năm nay sẽ cần phải thay đổi để có thể sử dụng cả những loại nhiên liệu thay thế.

Chi phí để thực hiện “công nghệ xanh” là rất lớn, nó đòi hỏi những khoản chi phí tài chính khổng lồ của các quốc gia. Thực hiện “công nghệ xanh” đồng thời cũng đụng chạm đến các thế lực đang được hưởng lợi như các hãng xăng dầu, than, hãng xe hơi, các hãng bảo hiểm và giới làm việc trong ngành dầu lửa... Một trong những nhân tố đầu tiên có thể cản trở những “ý định công nghệ xanh” của Tổng thống Obama là ảnh hưởng của nhóm có thế lực về than và về dầu lửa...

3. Xu hướng tăng cường sự điều tiết và giám sát đối với hệ thống tài chính thế giới

Bài học lớn nhất từ cuộc khủng hoảng có lẽ là vấn đề ngay cả những nền kinh tế phát triển nhất của thế giới cũng có thể đối mặt với nguy cơ suy sụp, nếu như hoạt động của hệ thống tài chính quá mạo hiểm và thiếu kiểm soát. Do đó, trong giai đoạn tới, việc tăng cường hệ thống giám sát tài chính được coi như là một trong những điểm then chốt để ngăn chặn những nguy cơ đổ vỡ và khủng hoảng, đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng tài chính quốc gia và toàn cầu.

Tại Hội nghị “G20” tại Pittsburgh diễn ra vào

ngày 24-25/9/2009, các chính phủ coi việc tăng cường quản lý và giám sát hệ thống tài chính như là một trong những điểm then chốt trong tái cấu trúc hệ thống ngân hàng tài chính toàn cầu. Hội nghị các Bộ trưởng tài chính các nước G20 họp tại Hàn Quốc ngày 4-6/6/2010, Hội nghị G20 diễn ra tại Seoul Hàn Quốc ngày 11 và 12/11/2010, Bộ trưởng các nước đã đặc biệt thảo luận về các giải pháp cải tổ cũng như tăng cường giám sát và kiểm soát đối với hệ thống tài chính toàn cầu.

Kế hoạch cải tổ hệ thống ngân hàng Mỹ đã được Tổng thống Obama đưa ra tại Quốc hội ngày 21/1/2010. Trong đó, bao gồm kế hoạch “Đại cải tổ” đối với hệ thống giám sát tài chính Mỹ. Đây được coi là sự điều chỉnh lớn nhất đối với hệ thống giám sát tài chính ở Mỹ kể từ những năm 1930 đến nay. Kế hoạch này bao gồm những nội dung chủ yếu như: *Thứ nhất*, đẩy mạnh giám sát và quản lý các công ty tài chính. Trong đó có hai điểm đặc biệt quan trọng. i) trao cho FED quyền giám sát các định chế tài chính then chốt. ii) yêu cầu các công ty tài chính tăng tỉ lệ vốn tự có nhằm đối phó các khoản thua lỗ và rủi ro bất ngờ. *Thứ hai*, thiết lập hệ thống quản lý toàn diện đối với thị trường tài chính, nhất là thị trường tài chính phố Uôn. *Thứ ba*, bảo vệ người tiêu dùng và nhà đầu tư, thông qua thành lập Cơ quan bảo vệ người tiêu dùng tài chính. Chức năng chính của tổ chức này là giám sát những đơn vị cho vay, yêu cầu họ phải cung cấp các sản phẩm tín dụng minh bạch đối với người tiêu dùng. *Thứ tư*, trang bị cho chính phủ các công cụ và cơ chế cần thiết để chống khủng hoảng.

Ngày 25/6/2010, Quốc hội Mỹ đã thông qua dự luật cải cách Phố Uôn (Wall Street). Dự luật này được đánh giá là mang tính bước ngoặt trong cải cách thị trường tài chính Mỹ, đây là dự luật cải cách tài chính mạnh mẽ nhất kể từ những năm 1930 đến nay. Luật định ra những qui tắc giám sát hoạt động tài chính thông qua các quy chế chặt chẽ, kiểm soát, kiểm chế những sai phạm và lạm dụng tài chính ở Phố Uôn, buộc thị trường Phố Uôn hoạt động có trách nhiệm hơn. Tất cả đều nhằm mục đích ngăn chặn nguy cơ tái diễn khủng hoảng tài chính trong tương lai.

Sau khủng hoảng, các nước EU đã nhất trí về việc thiết lập hệ thống giám sát liên châu Âu mới nhằm ngăn chặn nguy cơ tái diễn khủng hoảng tài chính

toàn cầu. Theo kế hoạch sẽ có 4 cơ quan giám sát tài chính mới của EU sẽ được xây dựng nhằm giám sát hoạt động tài chính của EU cả ở tầm vĩ mô và vi mô. Trong đó, có 3 cơ quan chịu trách nhiệm giám sát các ngân hàng, công ty bảo hiểm và thị trường chứng khoán, đó là Ủy ban Giám sát Dịch vụ Ngân hàng: CEBS (Committee of European Banking Supervisors), Ủy ban Giám sát Dịch vụ Bảo hiểm: CEIOPS (Committee of European Insurance and Occupational Pensions), Ủy ban Giám sát Dịch vụ Chứng khoán: CESR (Committee of European Securities Regulators). Cơ quan thứ tư- Hội đồng giám sát Rủi ro Hệ thống Châu Âu (European Systemic Risk Council - ESRC) có chức năng giám sát các rủi ro của hệ thống tài chính và đưa ra những cảnh báo sớm về những nguy cơ mang tính hệ thống có thể gây bất ổn định của khu vực.

Các lĩnh vực tài chính chủ yếu cần tăng cường giám sát là: các quỹ đầu tư nhất là các quỹ đầu tư mạo hiểm cần được giám sát chặt chẽ hơn và cần có những qui định mới đối với chúng (như phải hoạt động công khai và ít mạo hiểm hơn, qui mô tối thiểu như thế nào...). Các hoạt động mạo hiểm cần phải tách khỏi ngân hàng. Thị trường các công cụ tài chính đặc biệt các công cụ tài chính phái sinh sẽ phải chịu nhiều sự kiểm tra và có nhiều hạn chế hơn trước nhằm phòng ngừa những sự bùng nổ nằm ngoài khả năng kiểm soát của thị trường. Xu hướng tự do hóa tài chính trên toàn cầu sẽ bị đánh giá lại theo hướng thận trọng, tiến trình này ở các quốc gia đi sau như Trung Quốc, Ấn Độ sẽ được thực hiện chậm lại, an toàn hơn.

Hoạt động của các tổ chức đánh giá tín nhiệm cần được cải cách: các quy định mới yêu cầu khắt khe hơn đối với hoạt động của các tổ chức đánh giá tín nhiệm như: không được làm dịch vụ tư vấn, phải công khai biện pháp và nghiệp vụ đánh giá, phải thành lập cơ quan giám sát nội bộ đối với hoạt động đánh giá tín nhiệm và định kỳ phải có báo cáo minh bạch hóa hoạt động...

4. Xu hướng tăng cường vai trò kinh tế của Nhà nước sau khủng hoảng

Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu 2008 là cuộc khủng hoảng trầm trọng nhất kể từ cuộc Đại suy thoái kinh tế thế giới 1929-1933 và nó đã có tác động mạnh mẽ đến mọi mặt đời sống kinh tế-xã hội toàn cầu. Cuộc khủng hoảng này đã tác động đến

nhận thức của con người, buộc con người phải nhìn nhận lại các vấn đề lý thuyết làm cơ sở cho sự điều chỉnh chính sách kinh tế của mình. Một trong những chủ đề đó là vai trò của nhà nước trong nền kinh tế. Thêm vào đó, vai trò của nhà nước trong những năm tới đây cũng đứng trước nhiều sức ép phải thay đổi, đó là những thách thức biến đổi khí hậu, sự thiếu hụt năng lượng toàn cầu, sự phát triển của công nghệ xanh, xu hướng bảo hộ đang tăng lên trong thương mại quốc tế, sự bất ổn của tình hình tài chính-tiền tệ toàn cầu, sự thay đổi tương quan sức mạnh kinh tế trong nền kinh tế thế giới. Có thể nói, trong những năm tới đây, vấn đề vai trò kinh tế của nhà nước sẽ nổi lên như một trong những vấn đề quan trọng nhất và gây tranh luận nhất.

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu bùng phát ở Mỹ từ cuối năm 2007 đầu năm 2008 và nhanh chóng trở thành cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu vào cuối năm 2008 đang buộc các nhà kinh tế xem xét lại vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Cuộc khủng hoảng lần này dường như càng chứng tỏ tính đúng đắn của lý thuyết Keynes: nền kinh tế Mỹ bị sụp đổ do đề cao quá mức vai trò điều tiết của thị trường tự do. Để giải cứu cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu này, dường như những biện pháp theo mô hình của Keynes đã được ưu tiên áp dụng, đó là những gói kích cầu nhiều tỷ USD của Chính phủ Mỹ, Nhật Bản, Liên minh châu Âu hay sự quốc hữu hóa các ngân hàng với mức độ lớn. Đó chính là sự can thiệp chưa hề có tiền lệ của nhà nước vào nền kinh tế. Như vậy, với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008, chủ nghĩa tự do mới và các nguyên tắc của chủ nghĩa thị trường dường như thất bại.

Một vấn đề quan trọng được đặt ra ở đây là: Nếu chủ nghĩa tự do mới phá sản thì cái gì sẽ thay thế nó? Chủ nghĩa xã hội ư? Hay chủ nghĩa can thiệp của J. M. Keynes? Câu trả lời là: chủ nghĩa tư bản có điều tiết, hay nói cách khác đó là chủ nghĩa tư bản nhà nước. Chủ nghĩa tư bản nhà nước là một thứ chủ nghĩa tư bản đặc biệt, trong đó nhà nước có vai trò điều tiết, kiểm soát đối với chủ nghĩa tư bản và đối với thị trường tự do. Bản thân vai trò điều tiết của nhà nước đối với nền kinh tế trong thời gian tới cũng không thể thực hiện như cũ nữa, mà vai trò đó cần phải được cải cách. Vậy vai trò mới của nhà nước sau khủng hoảng là gì? *Thứ nhất*, theo chúng tôi, sau khủng hoảng, sự can thiệp mạnh mẽ của nhà

nước vào nền kinh tế là cần thiết. Đối phó với khủng hoảng, vai trò của nhà nước trở nên quan trọng hơn bao giờ hết (cứu trợ khẩn cấp các ngân hàng, thực hiện các gói kích thích nhằm kích thích tiêu dùng và sản xuất...). Sau khủng hoảng, những nhiệm vụ nhà nước cần thực hiện còn nhiều hơn và to lớn hơn như: tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng chuyển đổi mô hình kinh tế, tăng cầu tiêu dùng đặc biệt là nội nhu, giải quyết vấn đề nợ công tăng cao (nhất là ở EU và Mỹ), giải quyết vấn đề mức lạm phát cao (ở nhiều nước mới nổi và đang phát triển), giải quyết vấn đề suy thoái đi cùng với thất nghiệp cao... Như vậy, trong tình hình khó khăn đặc biệt sau khủng hoảng, chỉ có nhà nước với những ưu thế của mình (tính dài hạn, tính tập trung, tính xã hội, tính môi trường) mới có khả năng giải quyết những vấn đề kinh tế nan giải của đất nước, trong khi đó thị trường và các tổ chứcXHDS không thể làm được.

Thứ hai, sau khủng hoảng, nhà nước cần can thiệp mạnh vào nền kinh tế, nhưng vấn đề quan trọng ở đây là: sự can thiệp của nhà nước cần phải được chọn lọc. Sau khủng hoảng, những nhiệm vụ, những lĩnh vực mà nhà nước cần làm là khá nhiều, trong khi đó, năng lực của nhà nước là hạn chế. Nhà nước không thể ôm đồm làm mọi thứ, quyết định mọi vấn đề. Sau khủng hoảng, nhà nước cần làm phù hợp với năng lực. Trước hết, nhà nước cần tập trung vào những nhiệm vụ cơ bản, then chốt như: tạo khuôn khổ luật pháp cho nền kinh tế, hoạch định chiến lược phát triển, điều tiết vĩ mô nền kinh tế, đầu tư vào các dịch vụ xã hội cơ bản và cơ sở hạ tầng, kiểm soát đối với nền kinh tế. Vượt ra ngoài những nhiệm vụ cơ bản đó, nhà nước không nhất thiết là người cung ứng độc nhất. Những thất bại của nhà nước nhiều khi còn nguy hiểm hơn những thất bại của thị trường.

Thứ ba, về phương thức, cách thức can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế sau khủng hoảng, nhấn mạnh và làm rõ nguyên tắc: Nhà nước cần tác động đến nền kinh tế trong so sánh với thị trường, thông qua thị trường, nhà nước không thể chỉ sử dụng các biện pháp hành chính, mệnh lệnh.

Thứ tư, sau khủng hoảng, đứng trước các vấn đề kinh tế nan giải của các quốc gia cũng như toàn cầu, chưa bao giờ nhu cầu hợp tác quốc tế và phối hợp quốc tế trong điều tiết kinh tế trở nên cấp bách như vậy. Các nước phát triển và đang phát triển cũng

như các quốc gia mới nổi đã liên tục trao đổi đối thoại trên các diễn đàn của G7, G20, WTO, WEF (Diễn đàn kinh tế thế giới), OECD... về các vấn đề như: tăng cường sự kiểm soát, giám sát đối với hệ thống tài chính toàn cầu, đề ra những sáng kiến nhằm thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, phát triển “công nghệ xanh”, đối phó với nguy cơ khủng hoảng lương thực, xây dựng một hệ thống tỉ giá công bằng hơn trên toàn cầu...

5. Biến đổi khí hậu toàn cầu

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là hiệu ứng lan truyền toàn cầu, một thảm họa tiềm tàng và là một trong những vấn đề chung lớn nhất của thế giới.

Các báo cáo của IPCC (Tổ chức nghiên cứu Liên chính phủ về biến đổi khí hậu của Liên hiệp quốc) và nhiều trung tâm nghiên cứu có uy tín hàng đầu trên thế giới công bố trong thời gian gần đây đã chỉ ra một rủi ro lớn là khí hậu toàn cầu sẽ thay đổi mạnh vào cuối thế kỷ này, với những hậu quả nghiêm trọng về mặt kinh tế- xã hội. Theo đó, nhiệt độ trung bình trên bề mặt địa cầu ấm lên gần 1°C trong vòng 80 năm (từ 1920 đến 2005) và tăng rất nhanh trong khoảng 25 năm nay (từ 1980 đến 2005). Mới đây, theo một công bố gần đây của Cơ quan dự báo khí tượng Anh, biến đổi khí hậu thảm khốc có thể xảy ra trong vòng 50 năm nữa, sớm hơn 5 thập kỷ so với dự báo. Theo báo cáo này, nếu không thực hiện được chương trình hành động giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính theo Nghị định thư Kyoto, đến năm 2035 nhiệt độ bề mặt địa cầu sẽ tăng thêm 2°C, tới năm 2060, nhiệt độ trung bình trên toàn cầu có khả năng tăng thêm 4°C.

Đó là một mức tăng báo động, sẽ gây ra hạn hán, mực nước biển dâng cao, giảm lượng mưa, phá hủy các hệ sinh thái quan trọng. Nếu không thực hiện việc cắt giảm khí thải, mỗi năm thế giới không chỉ mất hàng trăm nghìn sinh mạng người do hạn hán và lũ lụt, mà còn phải hứng chịu một cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng nhất trong vài thập niên gần đây. BĐKH còn ảnh hưởng trực tiếp đến quyền con người, đó là quyền được phát triển và quyền được sống trong môi trường trong lành và an toàn.

Tất cả các nước đều bị tác động bởi biến đổi khí hậu, nhưng những nước bị tác động đầu tiên và nhiều nhất là lại là những nước đang phát triển và những nước nghèo, mặc dù họ đóng góp ít nhất vào nguyên nhân gây ra biến đổi khí hậu. Các quốc gia

nghèo sẽ bị tác động sớm hơn và mạnh mẽ hơn từ BĐKH do vị trí địa lý, sự phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp và do hạn chế hơn về khả năng thích nghi. Sức khỏe và hệ thống nước của những nước này có thể lâm vào tình trạng căng thẳng do thảm họa tự nhiên xảy ra thường xuyên hơn, các bờ biển có thể bị lũ lụt và dân cư có thể di cư. Các nước giàu cũng có thể bị ảnh hưởng bởi những hiệu ứng lan truyền từ các quốc gia nghèo với các thảm họa như di cư ồ ạt và thiếu lương thực, các nước giàu cũng sẽ đối mặt với những tổn thất trực tiếp nếu như rủi ro BĐKH xảy ra.

Những nỗ lực để giảm bớt BĐKH có thể có những tác động về kinh tế vĩ mô nhanh chóng và trên diện rộng. Mục đích của các giải pháp chống biến đổi khí hậu là nhất thiết phải giữ mức tăng nhiệt độ dưới 4°C để ngăn ngừa những ảnh hưởng tồi tệ nhất của biến đổi khí hậu. Để đạt được điều đó, cần ổn định mức khí thải vào khí quyển ở mức 450 ppm-550 ppm (mà hiện nay đã gần tới 430 ppm). Điều này đồng nghĩa với việc đến năm 2020, các nước phát triển phải cắt giảm 30-40% lượng khí thải.

Đây là một thách thức lớn đối với các nước, nhất là những quốc gia có lượng khí thải lớn. Chi phí để đạt những mục tiêu giảm cac-bon là rất lớn, theo một tính toán có khả năng sẽ làm giảm 12,9% GDP vào cuối thế kỷ này. Giảm tăng trưởng kinh tế và thịnh vượng rõ ràng là thách thức không nhỏ đặt ra cho các nước phát triển. Còn với các nước đang phát triển, tác động của biến đổi khí hậu lên đời sống kinh tế- xã hội là rất lớn, nhưng để giảm tác động của ô nhiễm môi trường và đối phó với hậu quả của hiệu ứng nhà kính họ sẽ cần hàng chục tỷ USD hàng năm.

Một tiến trình hai bước trong chống biến đổi khí hậu cần được thực hiện: đó là việc chống biến đổi khí hậu ở tầm quốc gia và ở tầm quốc tế. Các quốc gia nên đưa ra Chương trình quốc gia về biến động khí hậu, đó là một cam kết chính trị tới một lộ trình bao gồm các mục tiêu tổng thể, một khuôn khổ các thể chế và những cam kết cụ thể đối với các hành động và tài trợ tài chính sớm. Bên cạnh đó, các nước cần tham gia một cách chủ động và tích cực vào các chương trình do Liên hiệp quốc chủ trì về biến đổi khí hậu toàn cầu, như Nghị định thư Kyoto, những thỏa thuận sắp tới tại Mexico.

Các sáng kiến cộng đồng nhằm thích ứng và giảm thiểu BĐKH đang được tích cực khám phá và thực hiện: *Thứ nhất*, phát triển “công nghệ sạch” rộng khắp hơn ở nhiều ngành và địa phương. *Thứ hai*, giảm thiểu các công nghệ gây phát thải các-bon, thông qua giải pháp tiến hành định giá và thu phí các-bon. Cần thiết thu giữ và lưu trữ CO₂ để có thể tiếp tục sử dụng nhiên liệu hóa thạch mà không gây ảnh hưởng lớn đến môi trường. Bởi vì, từ nay đến năm 2050, năng lượng hóa thạch vẫn có thể chiếm tới hơn một nửa tổng năng lượng toàn cầu, trong đó than đá vẫn giữ vai trò quan trọng ở các nền kinh tế phát triển nhanh. *Thứ ba*, cắt giảm lượng khí thải “phi năng lượng” như khí thải từ cháy rừng, khí mê-tan trong sản xuất nông nghiệp. *Thứ tư*, giảm thiểu hành động phá rừng. Sự mất rừng tự nhiên trên toàn thế giới góp phần làm tăng lượng khí thải trên toàn cầu hàng năm nhiều hơn sự phát thải của ngành giao thông vận tải. *Thứ sáu*, thúc đẩy các chương trình nâng cao nhận thức cho người dân về biến đổi khí hậu và xây dựng các thói quen hướng tới một xã hội phát thải thấp, kể cả thông qua tăng cường giáo dục về BĐKH...

6. Sự thay đổi tương quan sức mạnh giữa các nước lớn đến 2020

Tương quan lực lượng trên thế giới đã có những thay đổi to lớn trong những năm đầu thập kỷ 21. Từ đầu những năm 1990 đến cuối thế kỷ 20, thế giới ở trong trạng thái đơn cực, Mỹ và các đồng minh của Mỹ hầu như chi phối các vấn đề kinh tế chính trị quốc tế. Tuy nhiên, từ đầu thập kỷ 21 trở đi, khoảng khắc đơn cực đã chấm dứt, nhường chỗ cho xu hướng đa cực đang dần nổi trội và chiếm ưu thế. Cũng từ đầu thế kỷ 21, các diễn viên chính trên bàn cờ kinh tế và chính trị đang thay đổi, đó là Mỹ-Nhật bản-EU-Trung Quốc- nhóm BRIC, trong đó sức mạnh quyền lực đang chuyển dần từ nhóm các nước phát triển sang nhóm nước BRIC và đang phát triển. Trong nhóm BRIC, vai trò của Trung Quốc ngày càng nổi bật.

Sức mạnh của Mỹ đang suy yếu tương đối

Thomas Fingar, nhà phân tích tình báo hàng đầu của Mỹ, cảnh báo mặc dù Washington sẽ vẫn là một siêu cường vào năm 2025, nhưng sự chi phối bị suy giảm nhiều. Hơn nữa, cương vị lãnh đạo của Washington sẽ “suy giảm với tốc độ nhanh trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế và có thể cả văn hóa”.

Suy giảm sức mạnh của Mỹ, cả quyền lực cứng lẫn quyền lực mềm. Cuộc khủng hoảng tài chính 2008 đã làm lung lay mạnh vị trí “thành trì về tài chính” của Mỹ. Trong năm tài khóa 2010, thâm hụt ngân sách của chính phủ Hoa Kỳ đạt mức kỷ lục 1.556 tỷ USD, cao hơn 10% so với GDP. Thâm hụt thương mại của Mỹ là 700 tỉ USD/năm, chủ yếu do nhập siêu từ Trung Quốc và các nước sản xuất dầu. Tỷ lệ nợ công/GDP cũng tăng mạnh, năm 2007 là 62,1%GDP, năm 2008 là 70,6% GDP, năm 2009 là 83,2% GDP, năm 2010 là 92,6% GDP. *Về ảnh hưởng kinh tế*, Dean Baker, đồng Giám đốc của Trung tâm nghiên cứu chính sách và kinh tế tại Washington, nhận xét trong những năm gần đây, Trung Quốc đã trở thành một quốc gia viện trợ và đầu tư nhiều hơn ở châu Phi và Mỹ Latinh, và với việc ngành ngân hàng Mỹ đang bị rối loạn, các quốc gia sẽ ít nhiều giảm hào hứng đến Mỹ tìm nguồn tài chính hoặc kinh doanh. *Về suy giảm ảnh hưởng mô hình, khủng hoảng tài chính 2008* đã đánh dấu sự kết thúc của mô hình thị trường tự do và chủ nghĩa tư bản không bị ràng buộc mà Washington đã theo đuổi trong vài thập kỷ qua. Michael Lind, một nhà phân tích thuộc Quỹ châu Mỹ mới (NAF), cho biết: “Trong lịch sử, các mô hình là rất quan trọng. Mô hình Trung Quốc hiện có thể được coi là một làn sóng cho tương lai. Các quốc gia Mỹ Latinh, Trung Đông và nhiều nơi khác đều đang nhận thấy điều này. Trong cạnh tranh về quyền lực mềm- thanh danh và uy tín, Mỹ hiện đang bị thiệt hại nghiêm trọng”.

Tuy nhiên, đến 2020, Mỹ còn gặp phải rất nhiều thách thức, nhưng Mỹ vẫn còn nhiều lợi thế, đóng vai trò trụ cột trong một loạt vấn đề: khoa học công nghệ, chính trị, quân sự... mà các nước khác khó có thể thay thế.

Trung Quốc đã tiến gần đến việc trở thành đầu tàu kinh tế toàn cầu, thay cho vị trí mà Mỹ độc chiếm từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Sự phát triển của Trung Quốc sẽ là sự kiện nổi bật nhất trong môi trường quốc tế kể từ đầu thế kỷ 21, đặc biệt sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008. Trong 10 năm đầu thế kỷ 21, Trung Quốc đã thực sự trỗi dậy. Trung Quốc đã trở thành hiện tượng thu hút sự quan tâm của thế giới về cả sức mạnh cứng và sức mạnh mềm. Đặc biệt sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008, Trung Quốc không những đã vượt qua khủng hoảng một cách thành công, mà còn tận

dụng tốt cơ hội khủng hoảng để vươn lên mạnh mẽ.

Thời gian qua cũng chứng kiến sự trỗi dậy của một số lực lượng KH&CN, điển hình ở Châu Á, đặc biệt là Trung Quốc. Số bằng sáng chế của Trung Quốc tăng mạnh, Trung Quốc ở vị trí thứ 16 từ năm 1995, đến 2005 được xếp vào 15 nước đứng đầu. Trung Quốc: đến năm 2020 số lượng cấp bằng độc quyền sáng chế hàng năm và số bài báo khoa học quốc tế được trích dẫn của người bản quốc đứng trong top 5 đầu tiên, tăng sử dụng công nghệ nội địa lên trên 60% và hạn chế sự phụ thuộc hoàn toàn vào công nghệ nước ngoài xuống dưới 30%, tiếp thu các công nghệ cốt lõi về chế tạo và truyền thông, gia tăng phát triển công nghệ vũ trụ và công nghệ biển, trở thành siêu cường quốc về công nghệ được bắt đầu từ việc sử dụng công nghệ của nước ngoài được thay đổi theo các tiêu chuẩn nội địa của Trung Quốc... (Bộ KHCN Trung Quốc, 2009).

Về GDP, năm 2010 tổng GDP của Trung Quốc là 5879 tỷ USD, vượt Nhật trở thành nền kinh tế lớn thứ hai sau Mỹ. Trung Quốc cũng là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng hàng đầu trên thế giới, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2001- 2010 là 10,39%, cao hơn nhiều so với Mỹ, Nhật, EU, Ấn Độ, Nga (Trần Giai Quý, Lý Dương, 2011).

Về thương mại, bùng nổ thương mại của Trung Quốc từ đầu thập kỷ 21, đặc biệt với chính sách duy trì tỷ giá thấp của đồng NDT từ tháng 7/2005, đã làm thay đổi cơ bản cán cân thương mại của Trung Quốc. Nếu như năm 1978, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc chỉ khoảng vài chục tỉ USD đứng hàng thứ 32 trên thế giới, thì 2008, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc đã lên tới 2600 tỷ USD, đứng thứ 3 trên thế giới sau Đức và Mỹ, hiện nay Trung Quốc đã vượt Đức, đứng thứ 2 thế giới về ngoại thương, đến 2025 Trung Quốc có thể sẽ đứng vị trí hàng đầu trong ngoại thương. Chính thặng dư thương mại lớn và tăng nhanh đã làm cho Trung Quốc từ đầu thập niên 21 trở thành nước có dự trữ ngoại tệ lớn nhất thế giới, năm 2010 đạt 2847,3 tỷ USD (Chương Âu Văn, Hoàng Nhân Vỹ, 2010).

Về FDI, từ giữa những năm 1990 của thế kỷ 20 đặc biệt là từ đầu thế kỷ 21, Trung Quốc đã trở thành trung tâm thu hút FDI đứng thứ 2 trên thế giới (chỉ sau Mỹ). Đến 2020, Trung Quốc có nhiều khả

năng trở thành nhà đầu tư dẫn đầu thế giới.

Đến 2020, Trung Quốc sẽ có thể trở thành cường quốc quân sự. Đáng chú ý là sức mạnh quân sự của Trung Quốc đang tăng nhanh cả về chiều rộng và chiều sâu. Hai lĩnh vực hải quân và vũ trụ của Trung Quốc có thể có đột phá trong những năm tới. Như vậy, Trung Quốc đang trở thành một đối thủ cạnh tranh nặng cân đối với Mỹ đồng thời trên hai khía cạnh, mạnh về quân sự và cũng như năng động về kinh tế và khát năng lượng.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, Trung Quốc vẫn chưa xây dựng được những nền tảng vững chắc trong quá trình “trỗi dậy” như: nghiên cứu KH- CN phát triển nhanh, nhưng chưa mạnh mẽ và vững chắc, trình độ đào tạo chưa cao, thiếu hụt năng lượng và nguyên liệu trầm trọng, phân hoá giàu nghèo sâu sắc đến mức gây bất ổn xã hội, ô nhiễm môi trường ở mức báo động, tỉ lệ dân số già đang

tăng lên nhanh chóng, nguồn lực xây dựng lực lượng quan sự còn thấp do thu nhập quốc dân tính theo đầu người còn thấp, phân quyền quá mạnh dẫn đến chủ nghĩa địa phương hoặc bạo loạn xã hội ở một số vùng và khu vực...

Các cường quốc mới nổi đang tìm mọi cách nâng cao vị trí của mình trên trường quốc tế, và sự viết lại luật chơi. Các nước như Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Brasil... đang bắt đầu thay đổi các quy tắc của cuộc chơi quản lý tỷ giá hối đoái, năng lượng, thương mại, giãn nợ chủ quyền,... Châu Âu và Bắc Mỹ trông giống các cường quốc thực dân đầu thế kỷ 20 - bám vào một trật tự mà họ không còn có sức mạnh hoặc ý chí duy trì nó. Châu Âu và Mỹ đang đối mặt các thách thức chính trị, kinh tế và an ninh mới. Họ sẽ sớm bị thách thức về vị thế là người định quy tắc, do “những người mới” đang nổi lên trong nền kinh tế toàn cầu, quyết tâm viết lại một số các quy tắc. □

Tài liệu tham khảo:

1. Alan Greenspan (2008), *Kỷ nguyên hỗn loạn, những cuộc khám phá trong thế giới mới*, sách dịch, NXB Trẻ, Hà Nội, 2008.
2. Bộ KHCN Trung Quốc, *Báo cáo phát triển KHCN quốc tế 2009*, NXB Khoa học Trung Quốc, 2009.
3. Bộ Công an, Tổng cục 5, “*Xung quanh diễn đàn Davos lần thứ 40*”, trong sách “Sự kiện và nhân vật nước ngoài”, Tài liệu tham khảo, Hà Nội tháng 2. 2010.
4. Chương Âu Văn, Hoàng Nhân Vỹ (2010), *Báo cáo địa vị quốc tế của Trung Quốc năm 2010*, NXB Nhân Dân, Bắc Kinh, Trung Quốc, tr 79.
5. Charles Grant with Katinka Barysch (2008), “*Can Europe and China Shape a New World Order*”, Centre for European Reform, May 2008.
6. Christina Lagarde (2008), *Bài viết tại Hội nghị Bộ trưởng tài chính các nước G8 tổ chức tháng 6. 2008*.
7. Chương Âu Văn, Hoàng Nhân Vỹ, 2010.
8. Daniel W. Drezner (2007): *The New World Order*. Foreign Affairs, March/April.
9. EIA (2007), *International Energy Outlook 2007 with Projection to 2030*// www.eia.doe.gov/oiaf/index.html.
10. Fareed Zakaria (2009) , *Thế giới hậu Mỹ*, sách dịch, NXB Tri thức, Hà Nội, 2008, trang 11-12.
11. FAO (2009), *Achieving food security in times of crisis*, http://www.fao.org/fileadmin/templates/getinvolved/pdf/WFD_2009_leaflet-en_web.pdf
12. NIC(2008), *Global Trends 2025: A Transformed World*, November 2008,
13. Nguyễn Văn Lịch, www.tapchicongsan.org.vn, ngày 21.9. 2010.
14. Phạm Văn Khánh (2010). *Phát triển kinh tế xanh*, Báo Nhân dân ngày 10/03/2010.
15. Trần Giai Quý, Lý Dương (2011), *Phân tích tiền cảnh kinh tế Trung Quốc-Báo cáo mùa xuân năm 2011*, NXB Văn hiến Khoa học xã hội, Bắc Kinh.
16. Viện Kinh tế và Chính trị thế giới (2010), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Tái cấu trúc khu vực tài chính, ngân hàng sau khủng hoảng- xu thế thế giới và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam”*, tháng 4. 2010.
17. Wu Changhua (2009), *Năng lượng mới: chìa khóa mở ra kỷ nguyên bùng nổ kinh tế mới*, theo Tin kinh tế, TTXVN ngày 15.9.2009.